

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ : 296 Trần Nỗ, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

| Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2017

| Ngày 31 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

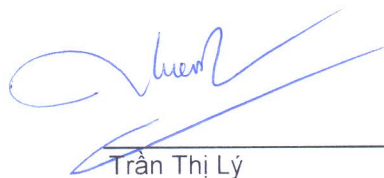
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 1 năm 2017
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C - NỢ PHẢI TRẢ | | 46.908.861.818 | 37.262.038.441 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 46.908.861.818 | 37.262.038.441 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 12. | 22.626.670.032 | 18.379.564.697 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | | |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13. | 1.283.862.269 | 1.188.501.146 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 3.191.045.288 | 6.882.811.347 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 14. | 13.269.727.731 | 2.467.872.462 |
| 316 | 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | | | |
| 318 | 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | | |
| 319 | 9. Phải trả ngắn hạn khác | 15. | 1.005.791.379 | 1.002.094.920 |
| 320 | 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 11. | | |
| 321 | 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 55.333.250 | |
| 322 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 16. | 5.476.431.869 | 7.341.193.869 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | | |
| 337 | 7. Phải trả dài hạn khác | | | |
| 400 | D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 322.245.202.429 | 317.456.556.134 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 17. | 322.245.202.429 | 317.456.556.134 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 131.040.000.000 | 131.040.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 131.040.000.000 | 131.040.000.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | | |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 53.070.783.332 | 53.070.783.332 |
| 414 | 4. Vốn khác của chủ sở hữu | | | |
| 415 | 5. Cổ phiếu quỹ (*) | | | |
| 416 | 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | | |
| 417 | 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | |
| 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | | 109.522.730.952 | 109.522.730.952 |
| 419 | 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | | | |
| 420 | 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | | |
| 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 28.611.688.145 | 23.823.041.850 |
| 421a | - Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 23.823.041.850 | 1.197.239.414 |
| 421b | - Lợi nhuận chưa phân phối năm này | | 4.788.646.295 | 22.625.802.436 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | | |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 369.154.064.247 | 354.718.594.575 |



Ngô Đức Ngọc
 Người lập



Trần Thị Lý
 Trưởng Phòng KTTKTC



Trần Văn Quỳnh
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 1 NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------|--|-------------|----------------|----------------|------------------------------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 18.1 | 42.732.660.536 | 45.896.049.270 | 42.732.660.536 | 45.896.049.270 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | | | | |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 42.732.660.536 | 45.896.049.270 | 42.732.660.536 | 45.896.049.270 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | | 32.302.685.587 | 35.967.635.882 | 32.302.685.587 | 35.967.635.882 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 10.429.974.949 | 9.928.413.388 | 10.429.974.949 | 9.928.413.388 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 18.2 | 41.246.872 | 992.781.455 | 41.246.872 | 992.781.455 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | | 18.366.667 | | 18.366.667 | |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 18.366.667 | | 18.366.667 | |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | | | | |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19. | 4.285.923.093 | 3.152.192.507 | 4.285.923.093 | 3.152.192.507 |
| 30 | 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 6.166.932.061 | 7.769.002.336 | 6.166.932.061 | 7.769.002.336 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 20. | 608.124.800 | | 608.124.800 | |
| 32 | 12. Chi phí khác | 20. | 355.745.514 | | 355.745.514 | |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | 20. | 252.379.286 | | 252.379.286 | |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 6.419.311.347 | 7.769.002.336 | 6.419.311.347 | 7.769.002.336 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 22.1 | 1.283.862.269 | 1.582.000.467 | 1.283.862.269 | 1.582.000.467 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 22.3 | 346.802.783 | | 346.802.783 | |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 4.788.646.295 | 6.187.001.869 | 4.788.646.295 | 6.187.001.869 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 17.4 | 365 | | 365 | 472 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | | | | |

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Trần Thị Lý
Trưởng Phòng KTTKTC



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-----------|---|-------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 01 | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 6.419.311.347 | 7.769.002.336 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 8. | 3.092.968.758 | 3.437.715.354 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 55.333.250 | |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | | |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (41.246.872) | |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 18.366.667 | |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | | |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 9.544.733.150 | 11.206.717.690 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 4.931.428.148 | (1.030.569.852) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 43.259.196 | 22.789.197 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 3.247.280.312 | 4.227.217.114 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (62.400.000) | (29.474.928) |
| 13 | - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | | | |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (18.366.667) | |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 13. | (1.171.101.146) | (3.848.098.676) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (1.864.762.000) | |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 14.650.070.993 | 10.548.580.545 |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (49.377.820.312) | |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | | |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | | |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 5.2 | 25.000.000.000 | |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.3 | 1.500.000.000 | |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 41.246.872 | |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (22.836.573.440) | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------|--|-------------|------------------------------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | | |
| 32 | 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | | |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 11. | 76.000.000.000 | |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (76.000.000.000) | |
| 35 | 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | | | |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | | |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | - | - |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | (8.186.502.447) | 10.548.580.545 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 89.130.478.094 | 62.379.525.497 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | | |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 80.943.975.647 | 72.928.106.042 |



Ngô Đức Ngọc
Người lập



Trần Thị Lý
Trưởng Phòng KTTKTC



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải và khai thác bến bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 207 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải đường thủy | 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý I năm 2017

hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

| | VND | |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN | | |
| Tiền mặt | 1,311,451,062 | 13,115,962 |
| Tiền gửi ngân hàng | 21,467,524,585 | 12,617,362,132 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 58,165,000,000 | 76,500,000,000 |
| TỔNG CỘNG | <u>80,943,975,647</u> | <u>89,130,478,094</u> |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 4,3% đến 5,0%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

| Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá gốc | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| <u>20,990,879,270</u> | <u>24,288,768,000</u> | <u>20,990,879,270</u> | <u>22,228,560,000</u> |

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (*)

| Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <u>60,000,000,000</u> | <u>60,000,000,000</u> | <u>85,000,000,000</u> | <u>85,000,000,000</u> |
| <u>60,000,000,000</u> | <u>60,000,000,000</u> | <u>85,000,000,000</u> | <u>85,000,000,000</u> |

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,5% đến 6,7%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ

| Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------|---------------|------------------|----------------------|
| Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá trị (VND) |
| | | <u>5</u> | <u>1,500,000,000</u> |

Ghi chú: Hiện tại Công ty đã tất toán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ, đồng thời Công ty đã có cam kết góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức với tỷ lệ vốn góp là 65% vốn điều lệ. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314270335 ngày 07 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

| 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 75,993,426,780 | 72,961,162,680 |
| Phải thu từ khách hàng khác | 10,189,781,812 | 9,879,024,697 |
| TỔNG CỘNG | 86,183,208,592 | 82,840,187,377 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (734,412,445) | (734,412,445) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 85,448,796,147 | 82,105,774,932 |

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | VND | |
|--|--------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền | | 9,930,000,000 |
| Công ty TNHH MTV DV Kỹ thuật Hoàng Hải | 120,000,000 | |
| Các nhà cung cấp khác | 32,967,500 | 833,208,029 |
| TỔNG CỘNG | 152,967,500 | 10,763,208,029 |

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Lãi dự thu | 1,342,689,489 | 3,117,000,000 |
| Phải thu khác | 1,249,565,227 | 303,231,419 |
| Ký quỹ thực hiện hợp đồng | 390,000,000 | 410,000,000 |
| Tạm ứng | 210,603,371 | |
| TỔNG CỘNG | 3,192,858,087 | 3,830,231,419 |
| Trong đó: | | |
| <i>Phải thu từ bên thứ ba</i> | 3,192,858,087 | 3,830,231,419 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 1 năm 2017**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

| | <i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i> | <i>Phương tiện vận tải đường thủy</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|--------------------------------|-------------------------------------|---|-------------------------------|------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Số đầu năm | 2,267,622,014 | 141,241,618,016 | 3,035,393,317 | 146,544,633,347 |
| Mua trong kỳ | | | | |
| Thanh lý | (131,484,462) | | | (131,484,462) |
| Số cuối kỳ | 2,136,137,552 | 141,241,618,016 | 3,035,393,317 | 146,413,148,885 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | 2,136,137,552 | 20,503,401,603 | 1,237,917,201 | 23,877,456,356 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | (2,267,622,014) | (82,165,098,800) | (2,043,178,536) | (86,475,899,350) |
| Khấu hao trong kỳ | | (3,027,405,501) | (65,563,257) | (3,092,968,758) |
| Thanh lý | 131,484,462 | | | 131,484,462 |
| Số cuối kỳ | (2,136,137,552) | (85,192,504,301) | (2,108,741,793) | (89,437,383,646) |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | - | 59,076,519,216 | 992,214,781 | 60,068,733,997 |
| Số cuối kỳ | - | 56,049,113,715 | 926,651,524 | 56,975,765,239 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Nhiên liệu và vật liệu | 124,475,963 | 164,899,443 |
| Công cụ, dụng cụ | 14,988,787 | 17,824,503 |
| TỔNG CỘNG | 139,464,750 | 182,723,946 |

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

| | VND | |
|---|-----------------------|--------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Đầu tư mới phương tiện vận tải thủy (*) | 57,729,748,731 | 255,717,727 |
| TỔNG CỘNG | 57,729,748,731 | 255,717,727 |

Ghi chú (*): Dự án đầu tư mới phương tiện vận tải thủy dự kiến sẽ hoàn thành và các phương tiện sẽ được đưa vào hoạt động vào giữa quý 2 năm 2017.

11. VAY NGẮN HẠN

| | VND | | | |
|-------------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| | Số cuối kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số đầu năm |
| Ngân hàng Công Thương- Đông Sài Gòn | - | 76,000,000,000 | 76,000,000,000 | - |
| TỔNG CỘNG | - | 76,000,000,000 | 76,000,000,000 | - |

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Phải trả cho người bán | 22,626,670,032 | 17,891,441,573 |
| - Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài | 8,853,905,011 | 8,066,247,872 |
| - Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt | 1,733,919,512 | 2,062,913,322 |
| - Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Song Long | 4,821,927,333 | - |
| - Phải trả đối tượng khác | 7,216,918,176 | 7,762,280,379 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 23) | - | 488,123,124 |
| TỔNG CỘNG | 22,626,670,032 | 18,379,564,697 |

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------|
| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
| | Phải nộp | | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1,171,101,146 | 1,283,862,269 | 1,171,101,146 | 1,283,862,269 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 17,400,000 | 77,832,245 | 127,832,245 | 32,600,000 |
| Các loại thuế khác | - | 964,676,285 | 964,676,285 | - |
| Các khoản phải nộp khác | - | 461,305,771 | 461,305,771 | - |
| TỔNG CỘNG | 1,188,501,146 | 2,787,676,570 | 2,724,915,447 | 32,600,000 |
| | | | 1,283,862,269 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2017

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 1,404,546,442 | 2,292,498,643 |
| Chi phí thuê ngoài | 10,600,181,289 | |
| Chi phí khác | 1,265,000,000 | 175,373,819 |
| TỔNG CỘNG | <u>13,269,727,731</u> | <u>2,467,872,462</u> |

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Kinh phí công đoàn | 350,015,774 | 285,596,314 |
| Cổ tức phải trả | 3,302,200 | 3,302,200 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 290,473,405 | 471,213,409 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 362,000,000 | 241,982,997 |
| TỔNG CỘNG | <u>1,005,791,379</u> | <u>1,002,094,920</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả bên khác</i> | 1,005,791,379 | 1,002,094,920 |

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | VND | |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Kỳ này | Năm trước |
| Số đầu năm | 7,341,193,869 | 3,667,394,126 |
| Trích lập quỹ trong kỳ | | 5,918,660,838 |
| Sử dụng quỹ trong kỳ | (1,864,762,000) | (2,244,861,095) |
| Số cuối kỳ | <u>5,476,431,869</u> | <u>7,341,193,869</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

| | <i>Vốn cổ phần</i> | <i>Thặng dư vốn cổ phần</i> | <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|
| Quý 1 năm 2016 | | | | | |
| Số đầu năm | 131,040,000,000 | 53,070,783,332 | 93,984,522,332 | 35,758,108,872 | 313,853,414,536 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | | | | 6,187,001,869 | 6,187,001,869 |
| Cổ tức công bố | | | | | |
| Trích lập quỹ | | | | | |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | | | | | |
| Số cuối kỳ | <u>131,040,000,000</u> | <u>53,070,783,332</u> | <u>93,984,522,332</u> | <u>41,945,110,741</u> | <u>320,040,416,405</u> |
| Quý 1 năm 2017 | | | | | |
| Số đầu năm | 131,040,000,000 | 53,070,783,332 | 109,522,730,952 | 23,823,041,850 | 317,456,556,134 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | | | | 4,788,646,295 | 4,788,646,295 |
| Cổ tức công bố | | | | | |
| Trích lập quỹ | | | | | |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | | | | | |
| Số cuối kỳ | <u>131,040,000,000</u> | <u>53,070,783,332</u> | <u>109,522,730,952</u> | <u>28,611,688,145</u> | <u>322,245,202,429</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2017

17.2 Cổ phiếu

| | Số lượng cổ phiếu | |
|--|-------------------|------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành | 13,104,000 | 13,104,000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 13,104,000 | 13,104,000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 13,104,000 | 13,104,000 |

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Doanh thu vận tải đường thủy | 39,536,128,586 | 45,472,706,240 |
| Doanh thu vận tải đường bộ | 3,029,259,225 | 227,041,654 |
| Doanh thu bốc dỡ | | 196,301,376 |
| Doanh thu cho thuê kho | 167,272,725 | |
| TỔNG CỘNG | 42,732,660,536 | 45,896,049,270 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Doanh thu đối với bên khác | 9,091,396,576 | 9,688,755,847 |
| Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 23) | 33,641,263,960 | 36,207,293,423 |

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|------------------|-------------------|--------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Lãi tiền gửi | 41,246,872 | 992,781,455 |
| TỔNG CỘNG | 41,246,872 | 992,781,455 |

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1,467,172,705 | 925,539,904 |
| Chi phí nhân viên | 1,723,098,329 | 1,440,138,329 |
| Chi phí khấu hao tài sản | 65,563,257 | 59,335,494 |
| Chi phí khác | 1,030,088,802 | 727,178,780 |
| TỔNG CỘNG | 4,285,923,093 | 3,152,192,507 |

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|----------------------|--------------------|----------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Thu nhập khác | 608,124,800 | |
| Phí lưu bến Sàlan | 608,124,800 | |
| Chi phí khác | 355,745,514 | |
| Chi phí khác | 355,745,514 | |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 252,379,286 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2017

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 21,618,043,610 | 23,052,074,980 |
| Chi phí nhân viên | 7,276,304,565 | 8,571,288,625 |
| Chi phí nhiên liệu và vật liệu | 3,379,424,011 | 2,398,410,746 |
| Chi phí khấu hao tài sản (Thuyết minh số 8) | 3,092,968,758 | 3,437,715,354 |
| Chi phí khác | 1,221,867,736 | 1,660,338,684 |
| TỔNG CỘNG | <u>36,588,608,680</u> | <u>39,119,828,389</u> |

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1,283,862,269 | 1,582,000,467 |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 346,802,783 | |
| TỔNG CỘNG | <u>1,630,665,052</u> | <u>1,582,000,467</u> |

22.2 Thuế TNDN hoãn lại

| | Bảng cân đối kế toán | | VND | |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------------|----------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
| | | | Kỳ này | Kỳ trước |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | | <u>346,802,783</u> | (346,802,783) | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | <u>346,802,783</u> | | |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | | | <u>(346,802,783)</u> | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2017

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Kỳ này</i> | <i>Kỳ trước</i> |
|--|--------------------|-----------------------------|----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 24,755,337,535 | 35,827,282,073 |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 7,600,600,110 | |
| | | Phí lưu bến Sà lan | 608,124,800 | |
| Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 1,285,326,315 | 380,011,350 |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

| | <i>Kỳ này</i> | <i>Kỳ trước</i> |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| Hội đồng Quản trị | 126,000,000 | 126,000,000 |
| Ban Kiểm soát | 39,000,000 | 39,000,000 |
| | 165,000,000 | 165,000,000 |

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối kỳ</i> | <i>Số đầu năm</i> |
|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 66,186,022,925 | 68,319,356,848 |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 8,163,862,136 | 2,203,202,015 |
| Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam | Bên liên quan | Cung cấp dịch vụ vận chuyển | 1,643,541,719 | 2,438,603,817 |
| | | | 75,993,426,780 | 72,961,162,680 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 năm 2017

Phải thu ngắn hạn khác

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|---------------|--------------------|------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Bên liên quan | Chi phí tiện ích | | 11.077.104 |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | Bên liên quan | Doanh thu quản lý | | 477.046.020 |
| | | | - | 488.123.124 |

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Dưới 1 năm | 601.193.280 | 1.642.147.140 |
| Từ 1 đến 5 năm | 4.322.386.560 | 2.278.522.255 |
| TỔNG CỘNG | 4.923.579.840 | 3.920.669.395 |

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Trần Thị Lý
Trưởng Phòng KTTKTC



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 4 năm 2017



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2017

GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUÝ 1/2017
(SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Vận tải Hà Tiên (mã chứng khoán HTV) xin giải trình kết quả kinh doanh quý 1/2017 như sau:

| TT | CHỈ TIÊU | Quý 1/2017 (đ) | Quý 1/2016 (đ) | Chênh lệch (đ) | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------|
| 1 | Doanh thu | 42.732.660.536 | 45.896.049.270 | (3.163.388.734) | -7% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 32.302.685.587 | 35.967.635.882 | (3.664.950.295) | -10% |
| 3 | Chi phí quản lý DN | 4.285.923.093 | 3.152.192.507 | 1.133.730.586 | 36% |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 6.419.311.347 | 7.769.002.336 | (1.349.690.989) | -17% |

Lợi nhuận trước thuế của quý 1/2017 của Công ty giảm 17%, tương ứng giảm 1.349.690.989 đồng so với quý 1/2016 chủ yếu là do doanh thu giảm 7% tương ứng giảm 3.163.388.734 đồng và chi phí tăng 36% tương ứng tăng 1.133.730.586 đồng.

Trên đây là giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh quý 1/2017 so với cùng kỳ năm trước. Bản giải trình này không thể tách rời với thuyết minh báo cáo tài chính quý 1/2017.

Trân trọng!



Trần Văn Quỳnh